

Tên đơn vị : UBND XÃ AN THANH

Mẫu số 8a

Ban hành theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg

**DANH SÁCH HỖ TRỢ CÁC ĐỐI TƯỢNG F1 CÁCH LY Y TẾ
THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 23/2021/QĐ-TTg CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Địa chỉ (Thôn, xã)	Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Ngày kết thúc điều trị, cách ly	Số ngày điều trị, cách ly	Số tiền (80.000đồng/ng ày)	Ký nhận
		Nam	Nữ						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
VII	UBND XÃ AN THANH								
1	Đào Thị Hằng Nga		10/8/1996	Thanh Kỳ	26/11/2021	8/12/2021	13	1,040,000	
2	Phạm Văn Đông	7/20/1984		An Định	26/11/2021	8/12/2021	13	1,040,000	
3	Lê Bích Ngọc		11/3/1998	An Định	26/11/2021	8/12/2021	13	1,040,000	
4	Mạc Tuấn Hạnh	1/6/1991		An Định	26/11/2021	8/12/2021	13	1,040,000	
5	Phạm Đình Trường	6/28/1980		An Định	26/11/2021	8/12/2021	13	1,040,000	
6	Phan Công Đức	7/1/1994		An Định	26/11/2021	8/12/2021	13	1,040,000	
7	Phạm Đình Trường	7/6/1979		An Định	26/11/2021	8/12/2021	13	1,040,000	
8	Nguyễn Thị Lan		1/2/1981	An Định	26/11/2021	8/12/2021	13	1,040,000	
9	Phạm Xuân Hiền	8/27/1985		Thanh Kỳ	26/11/2021	8/12/2021	13	1,040,000	
10	Phạm Văn Xuân	9/24/1993		Thanh Kỳ	26/11/2021	8/12/2021	13	1,040,000	
11	Phạm Thị Hoa		5/5/1969	Thanh Kỳ	26/11/2021	8/12/2021	13	1,040,000	
12	Phạm Thị Nga		10/14/1980	An Thanh	26/11/2021	8/12/2021	13	1,040,000	
13	Phạm Xuân Tới	3/13/1992		Thanh Kỳ	26/11/2021	8/12/2021	13	1,040,000	
14	Trịnh Thị Bích		11/25/1990	xã An Thanh	26/11/2021	8/12/2021	13	1,040,000	
15	Nguyễn Thị Hương		6/15/1979	xã An Thanh	26/11/2021	8/12/2021	13	1,040,000	
16	Phạm Thị Lan		7/11/1982	xã An Thanh	26/11/2021	8/12/2021	13	1,040,000	
17	Phạm Văn Công	9/2/1991		xã An Thanh	26/11/2021	8/12/2021	13	1,040,000	
18	Phạm Thị Lê Hồng		12/1/1980	xã An Thanh	26/11/2021	8/12/2021	13	1,040,000	
19	Nguyễn Đình Lượng	10/10/1973		xã An Thanh	26/11/2021 1	8/12/2021	13	1,040,000	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Địa chỉ (Thôn, xã)	Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Ngày kết thúc điều trị, cách ly	Số ngày điều trị, cách ly	Số tiền (80.000đồng/ngày)	Ký nhận
		Nam	Nữ						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
20	Nguyễn Thị Vân		6/10/1993	thôn An Định	26/11/2021	8/12/2021	13	1,040,000	
21	Phạm Việt Dũng	3/12/1993		thôn An Định	26/11/2021	8/12/2021	13	1,040,000	
22	Phạm Thị Ngoan		11/23/1980	thôn Thanh Kỳ	26/11/2021	8/12/2021	13	1,040,000	
23	Phạm Xuân Hợp	12/19/1985		thôn An Lao	26/11/2021	8/12/2021	13	1,040,000	
24	Trương Thị Lý		11/26/1973	thôn Thanh Kỳ	26/11/2021	8/12/2021	13	1,040,000	
25	Phạm Thanh Bình		11/24/1986	thôn An Lao	26/11/2021	8/12/2021	13	1,040,000	
26	Phạm Thị Nhinh		8/20/1973	thôn Thanh Kỳ	26/11/2021	8/12/2021	13	1,040,000	
27	Bùi Như Quỳnh		1990	thôn Thanh Kỳ	26/11/2021	8/12/2021	13	1,040,000	
28	Phạm Thị Đông		2/22/1977	thôn Thanh Kỳ	27/11/2021	8/12/2021	12	960,000	
29	Nguyễn Thị Hà		1/24/1984	thôn Thanh Kỳ	27/11/2021	8/12/2021	12	960,000	
30	Phạm Xuân Dư	6/18/2000		thôn An Lao	27/11/2021	8/12/2021	12	960,000	
31	Nguyễn Thị Phụng		1/30/1983	thôn Thanh Kỳ	27/11/2021	8/12/2021	12	960,000	
32	Phạm Thị Tuyết		1/22/1996	thôn Thanh Kỳ	27/11/2021	8/12/2021	12	960,000	
33	Nguyễn Hương Lan		8/5/1981	thôn Thanh Kỳ	27/11/2021	8/12/2021	12	960,000	
34	Phạm Như Thịnh	6/28/1982		thôn Thanh Kỳ	27/11/2021	8/12/2021	12	960,000	
35	Nguyễn Thị Phi		9/8/1975	thôn Thanh Kỳ	27/11/2021	8/12/2021	12	960,000	
36	Nguyễn Thị Luyết		1963	thôn Thanh Kỳ	27/11/2021	9/12/2021	13	1,040,000	
37	Phạm Thị Thắm		1963	thôn Thanh Kỳ	27/11/2021	9/12/2021	13	1,040,000	
38	Phạm Thị Lý		1966	thôn Thanh Kỳ	27/11/2021	9/12/2021	13	1,040,000	
39	Phạm Thị Huệ		1984	thôn Thanh Kỳ	27/11/2021	9/12/2021	13	1,040,000	
40	Phạm Xuân Mạnh	1989		thôn Thanh Kỳ	28/11/2021	9/12/2021	12	960,000	
41	Phạm Thị Hương		1980	thôn Thanh Kỳ	28/11/2021	9/12/2021	12	960,000	
42	Trương Văn Dương	1987		thôn Thanh Kỳ	28/11/2021	9/12/2021	12	960,000	
43	Nguyễn Văn Uynh	1984		thôn Thanh Kỳ	28/11/2021	9/12/2021	12	960,000	
44	Nguyễn Văn Thống	1979		thôn An Lao	28/11/2021	9/12/2021	12	960,000	
45	Phạm Thị Hàn		1967	thôn An Lao	28/11/2021	9/12/2021	12	960,000	
46	Phạm Thị Vân		1983	Bắc Sơn, Thanh Kỳ	30/11/2021	13/12/2021	14	1,120,000	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Địa chỉ (Thôn, xã)	Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Ngày kết thúc điều trị, cách ly	Số ngày điều trị, cách ly	Số tiền (80.000đồng/ngày)	Ký nhận
		Nam	Nữ						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
47	Phạm Văn Định	1993		Mỹ Nam, Thanh Kỳ	30/11/2021	13/12/2021	14	1,120,000	
48	Nguyễn Thị Loan		1988	Đội 3, An Lao	30/11/2021	13/12/2021	14	1,120,000	
49	Phạm Thanh Hưng (nữ)		2005	Mỹ Nam, Thanh Kỳ	30/11/2021	13/12/2021	14	1,120,000	
50	Phạm Mạnh Quỳnh	2005		Đội 3, An Lao	30/11/2021	13/12/2021	14	1,120,000	
51	Nguyễn Phạm Quỳnh Anh		2005	Đào Bạch, TK	30/11/2021	13/12/2021	14	1,120,000	
52	Phạm Văn Nam	1991		Đội 1, An Lao	30/11/2021	11/12/2021	12	960,000	
53	Nguyễn Thị Nhã		1969	Đội 1, An Lao	30/11/2021	11/12/2021	12	960,000	
54	Phạm Văn Dũng	1990		xóm Việt Hòa - thôn Thanh Kỳ	27/11/2021	9/12/2021	13	1,040,000	
55	Phạm Thị Chiêu		1954	xóm Việt Hòa - thôn Thanh Kỳ	27/11/2021	9/12/2021	13	1,040,000	
56	Phạm Thị Vân		1985	xóm Việt Hòa - thôn Thanh Kỳ	27/11/2021	9/12/2021	13	1,040,000	
57	Hồ Thị Lan Giang		2017	xóm Việt Hòa - thôn Thanh Kỳ	27/11/2021	9/12/2021	13	1,040,000	
58	Phạm Thị Hoàng Yến		2012	xóm Việt Hòa - thôn Thanh Kỳ	27/11/2021	9/12/2021	13	1,040,000	
59	Phạm Văn Nam	2013		xóm Việt Hòa - thôn Thanh Kỳ	27/11/2021	9/12/2021	13	1,040,000	
60	Phạm Thị Tuyết Mai		2020	xóm Việt Hòa - thôn Thanh Kỳ	28/11/2021	9/12/2021	12	960,000	
61	Nguyễn Văn Tung	1954		Ái Quốc - thôn Thanh Kỳ	28/11/2021	9/12/2021	12	960,000	
62	Phạm Thị Luộc		1955	Ái Quốc - thôn Thanh Kỳ	28/11/2021	9/12/2021	12	960,000	
63	Nguyễn Văn Tăng	1986		Ái Quốc - thôn Thanh Kỳ	28/11/2021	9/12/2021	12	960,000	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Địa chỉ (Thôn, xã)	Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Ngày kết thúc điều trị, cách ly	Số ngày điều trị, cách ly	Số tiền (80.000đồng/ngày)	Ký nhận
		Nam	Nữ						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
64	Nguyễn Văn Cường	2009		Ái Quốc - thôn Thanh Kỳ	28/11/2021	9/12/2021	12	960,000	
65	Nguyễn Văn Thành	2011		Ái Quốc - thôn Thanh Kỳ	28/11/2021	9/12/2021	12	960,000	
66	Phạm Hữu Tuấn Anh	2007		Cao Thắng - Thanh Kỳ	28/11/2021	9/12/2021	12	960,000	
67	Phạm Mai Phương	2012		Cao Thắng - Thanh Kỳ	28/11/2021	9/12/2021	12	960,000	
68	Nguyễn Văn Thành	1985		Nguyên Giáp Thanh Kỳ	28/11/2021	9/12/2021	12	960,000	
69	Phạm Xuân Trường	1983		Nguyên Giáp - Thanh Kỳ	29/11/2021	9/12/2021	12	960,000	
70	Phạm Xuân Dũng	2011		Nguyên Giáp - Thanh Kỳ	29/11/2021	9/12/2021	12	960,000	
71	Phạm Xuân Chiến	1957		Nguyên Giáp - Thanh Kỳ	29/11/2021	9/12/2021	12	960,000	
72	Phạm Thị Hồi		1957	Nguyên Giáp - Thanh Kỳ	29/11/2021	9/12/2021	12	960,000	
73	Phạm Xuân Phú	1990		Nguyên Giáp, Thanh Kỳ	29/11/2021	9/12/2021	12	960,000	
74	Nguyễn Thị Xim		1994	Nguyên Giáp, Thanh Kỳ	29/11/2021	9/12/2021	12	960,000	
75	Phạm Thị Bình		2018	Nguyên Giáp, Thanh Kỳ	29/11/2021	9/12/2021	12	960,000	
76	Phạm Xuân An	2019		Nguyên Giáp, Thanh Kỳ	29/11/2021	9/12/2021	12	960,000	
77	Phạm Thị Nhã		1968	Đào Bạch - Thanh Kỳ	29/11/2021	9/12/2021	12	960,000	
78	Phùng Thị Sâm		1999	Đào Bạch - Thanh Kỳ	29/11/2021	9/12/2021	12	960,000	
79	Phạm Như Đức Thịnh	2021		Đào Bạch - Thanh Kỳ	29/11/2021	9/12/2021	12	960,000	
80	Phạm Thị Thuy		1981	Đào Bạch, Thanh Kỳ	29/11/2021	9/12/2021	12	960,000	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Địa chỉ (Thôn, xã)	Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Ngày kết thúc điều trị, cách ly	Số ngày điều trị, cách ly	Số tiền (80.000đồng/ng ày)	Ký nhận
		Nam	Nữ						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
81	Trương Công Hội	1930		Đào Bạch - Thanh Kỳ	29/11/2021	9/12/2021	12	960,000	
82	Trương Văn Khang	1966		Đào Bạch - Thanh Kỳ	29/11/2021	9/12/2021	12	960,000	
83	Phạm Thị Ánh Dương		2014	Đào Bạch - Thanh Kỳ	29/11/2021	9/12/2021	12	960,000	
84	Phạm Thị Bảo Vy		2018	Đào Bạch - Thanh Kỳ	29/11/2021	9/12/2021	12	960,000	
85	Nguyễn Thị Mỹ		1972	Đào Bạch - Thanh Kỳ	29/11/2021	9/12/2021	12	960,000	
86	Phạm Văn Lĩnh	1971		Bắc Hải - Thanh Kỳ	29/11/2021	9/12/2021	12	960,000	
87	Phạm Văn Tuyền	1998		Bắc Hải - Thanh Kỳ	29/11/2021	9/12/2021	12	960,000	
88	Phạm Văn Chiến	2005		Bắc Hải - Thanh Kỳ	29/11/2021	9/12/2021	12	960,000	
89	Ngô Bá Phước	1983		Bắc Hải Thanh Kỳ	29/11/2021	9/12/2021	12	960,000	
90	Phạm Xuân Giai	1948		Đào Bạch - Thanh Kỳ	29/11/2021	9/12/2021	12	960,000	
91	Phạm Thị Ngãi		1956	Đào Bạch - Thanh Kỳ	29/11/2021	9/12/2021	12	960,000	
92	Phạm Xuân Khương	1981		Đào Bạch - Thanh Kỳ	29/11/2021	9/12/2021	12	960,000	
93	Nguyễn Thị Duyên		1980	Đào Bạch - Thanh Kỳ	29/11/2021	9/12/2021	12	960,000	
94	Phạm Xuân Trường	2003		Đào Bạch - Thanh Kỳ	29/11/2021	9/12/2021	12	960,000	
95	Phạm Xuân Mạnh	2012		Đào Bạch - Thanh Kỳ	29/11/2021	9/12/2021	12	960,000	
96	Phạm Xuân Nhù	1965		Bắc Sơn - Thanh Kỳ	29/11/2021	9/12/2021	12	960,000	
97	Phạm Xuân Bảo	2006		Bắc Sơn - Thanh Kỳ	29/11/2021	9/12/2021	12	960,000	
98	Phạm Thị Liệu		1935	Bắc Sơn - Thanh Kỳ	29/11/2021	9/12/2021	12	960,000	
99	Nguyễn Văn Tiến	1986		Bắc Sơn - Thanh Kỳ	29/11/2021	9/12/2021	12	960,000	
100	Phạm Thị Nhung		1991	Bắc Sơn - Thanh Kỳ	29/11/2021	9/12/2021	12	960,000	
101	Nguyễn Hoàng Hải	2012		Bắc Sơn - Thanh Kỳ	29/11/2021	9/12/2021	12	960,000	
102	Nguyễn Gia Huy	2016		Bắc Sơn - Thanh Kỳ	29/11/2021	9/12/2021	12	960,000	
103	Phạm Thị Mơn		1976	Ái Quốc, Thanh Kỳ	30/11/2021	13/12/2021	14	1,120,000	
104	Phạm Thị Nội		1986	Bắc Sơn, Thanh Kỳ	30/11/2021	13/12/2021	14	1,120,000	
105	Trần Thị Châm		1984	Việt Hòa, Thanh Kỳ	30/11/2021	13/12/2021	14	1,120,000	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Địa chỉ (Thôn, xã)	Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Ngày kết thúc điều trị, cách ly	Số ngày điều trị, cách ly	Số tiền (80.000đồng/ngày)	Ký nhận
		Nam	Nữ						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
106	Đặng Thị Thảo		1985	Việt Hòa, Thanh Kỳ	30/11/2021	13/12/2021	14	1,120,000	
107	Nguyễn Thị Nhuân		1982	Nguyên Giáp, Thanh Kỳ	30/11/2021	13/12/2021	14	1,120,000	
108	Nguyễn Thị Thúy		1981	Bắc Sơn, Thanh Kỳ	30/11/2021	13/12/2021	14	1,120,000	
109	Phạm Văn Toán	1975		Đội 3, An Lao	30/11/2021	13/12/2021	14	1,120,000	
110	Phạm Thị Hiền		1985	Đội 3, An Lao	30/11/2021	13/12/2021	14	1,120,000	
111	Phạm Thị Hạnh		2002	Đội 3, An Lao	30/11/2021	13/12/2021	14	1,120,000	
112	Phạm Đức Anh	2021		Đội 3, An Lao	30/11/2021	13/12/2021	14	1,120,000	
113	Nguyễn Thị Ánh Tuyết		2005	Đội 3, An Lao	1/12/2021	13/12/2021	13	1,040,000	
114	Phạm Quang Minh	2005		Nguyên Giáp, T Kỳ	30/11/2021	11/12/2021	12	960,000	
115	Phạm Thu Hường		2005	Độc Lập, An Định	1/12/2021	13/12/2021	13	1,040,000	
116	Phạm Thị Thu Hạnh		1994	Đào Bạch, Thanh Kỳ	29/11/2021	3/12/2021	5	400,000	
117	Phạm Văn Hoãn	1955		Độc Lập An Định	30/11/2021	13/12/2021	14	1,120,000	
118	Phạm Thị Gái		1969	Ái Quốc, Thanh Kỳ	30/11/2021	13/12/2021	14	1,120,000	
119	Nguyễn Thị Năm		1965	Cao Thắng, Thanh Kỳ	1/12/2021	13/12/2021	13	1,040,000	
120	Phạm Thị Tươi		1981	Đào Bạch, Thanh Kỳ	1/12/2021	13/12/2021	13	1,040,000	
121	Nguyễn Văn Sáu	1972		Ái Quốc, Thanh Kỳ	1/12/2021	13/12/2021	14	1,120,000	
122	Nguyễn Văn Dinh	1972		Ái Quốc, Thanh Kỳ	1/12/2021	13/12/2021	13	1,040,000	
123	Phạm Văn Duệ	1960		Ái Quốc, Thanh Kỳ	1/12/2021	13/12/2021	13	1,040,000	
124	Phạm Văn Tèo	1971		Ái Quốc, Thanh Kỳ	1/12/2021	13/12/2021	13	1,040,000	
125	Nguyễn Văn Lầy	1969		Ái Quốc, Thanh Kỳ	1/12/2021	13/12/2021	13	1,040,000	
126	Nguyễn Văn Duynh	1970		Việt Hòa, Thanh Kỳ	1/12/2021	13/12/2021	13	1,040,000	
127	Bùi Thị Thu Hiền		1986	Độc Lập, An Định	30/11/2021	2/12/2021	3	240,000	
128	Phạm Thị Mai		1992	Quốc Khánh, An Định	30/11/2021	11/12/2021	12	960,000	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Địa chỉ (Thôn, xã)	Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Ngày kết thúc điều trị, cách ly	Số ngày điều trị, cách ly	Số tiền (80.000đồng/ngày)	Ký nhận
		Nam	Nữ						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
129	Phạm Thị Thùy Linh		2017	Quốc Khánh, An Định	30/11/2021	11/12/2021	12	960,000	
130	Nguyễn Thị Mùi		1991	Đội 1, An Lao	30/11/2021	11/12/2021	12	960,000	
131	Nguyễn Thị Liên		1986	Đội 1, An Lao	30/11/2021	11/12/2021	12	960,000	
132	Nguyễn Thị Lý		1968	Đội 1, An Lao	30/11/2021	11/12/2021	12	960,000	
133	Phạm Thị Thảo		2005	Đào Bạch, T.Kỳ	30/11/2021	11/12/2021	12	960,000	
134	Phạm Thị Quý		1972	Ái Quốc, An Định	1/12/2021	14/12/2021	14	1,120,000	
135	Phạm Tiến Tùng	1992		Ái Quốc, An Định	1/12/2021	14/12/2021	14	1,120,000	
136	Nguyễn Thị Hương		1992	Ái Quốc, An Định	1/12/2021	14/12/2021	14	1,120,000	
137	Phạm Đức Anh	2014		Ái Quốc, An Định	1/12/2021	14/12/2021	14	1,120,000	
138	Phạm Quang Minh	2017		Ái Quốc, An Định	1/12/2021	14/12/2021	14	1,120,000	
139	Nguyễn Duy Thâu	1971		Quốc Khánh, An Định	1/12/2021	14/12/2021	14	1,120,000	
140	Phan Văn Trường	1974		Hồng Thái, An Định	1/12/2021	14/12/2021	14	1,120,000	
141	Lê Thị Tiệp		1982	Hưng Đạo, An Lao	1/12/2021	14/12/2021	14	1,120,000	
142	Phạm Văn Dương	2007		Hưng Đạo, An Lao	1/12/2021	14/12/2021	14	1,120,000	
143	Phạm Lê Yến Nhi		2012	Hưng Đạo, An Lao	1/12/2021	14/12/2021	14	1,120,000	
144	Nguyễn Thị Liên		2003	Nguyên Giáp, Thanh Kỳ	1/12/2021	14/12/2021	14	1,120,000	
145	Nguyễn Đình Khoát	2014		Nguyên Giáp, Thanh Kỳ	1/12/2021	14/12/2021	14	1,120,000	
146	Phạm Thị Nhũn		1983	Mỹ Nam, Thanh Kỳ	1/12/2021	14/12/2021	14	1,120,000	
147	Phạm Văn Bình	1967		Mỹ Nam, Thanh Kỳ	1/12/2021	14/12/2021	14	1,120,000	
148	Phạm Thị Phương Oanh		2006	Mỹ Nam, Thanh Kỳ	1/12/2021	14/12/2021	14	1,120,000	
149	Trần Ngọc Ứng	1935		Hưng Đạo, An Lao	1/12/2021	14/12/2021	14	1,120,000	
150	Nguyễn Thị Oanh		1943	Hưng Đạo, An Lao	1/12/2021	14/12/2021	14	1,120,000	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Địa chỉ (Thôn, xã)	Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Ngày kết thúc điều trị, cách ly	Số ngày điều trị, cách ly	Số tiền (80.000đồng/ngày)	Ký nhận
		Nam	Nữ						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
151	Nguyễn Văn Chuyện	1973		Hồng Phong, An Lao	1/12/2021	14/12/2021	14	1,120,000	
152	Nguyễn Thị Nguyệt		1999	Hồng Phong, An Lao	1/12/2021	14/12/2021	14	1,120,000	
153	Nguyễn Văn Nguyên	2020		Hồng Phong, An Lao	1/12/2021	14/12/2021	14	1,120,000	
154	Phạm Hữu Dương	1974		Xóm Đào Bạch, Thanh Kỳ	1/12/2021	14/12/2021	14	1,120,000	
155	Phạm Thảo Nguyên		2021	Xóm Đào Bạch,	1/12/2021	14/12/2021	14	1,120,000	
156	Phạm Mạnh Quỳnh	2005		Đội 3, An Lao	1/12/2021	13/12/2021	13	1,040,000	
157	Đinh Trọng Hòa Bình	2005		Nguyên Giáp, T.Kỳ	1/12/2021	13/12/2021	13	1,040,000	
158	Trần Thị Phượng		1985	Đội 1, An Lao	1/12/2021	8/12/2021	8	640,000	
159	Phạm Văn Kiên	1995		Đội 2, An Lao	1/12/2021	8/12/2021	8	640,000	
160	Phạm Thị Thùy Dương		2003	Mỹ Nam, T.Kỳ	1/12/2021	9/12/2021	9	720,000	
161	Nguyễn Thanh Thảo		2002	Đào Bạch, T.Kỳ	1/12/2021	6/12/2021	5	400,000	
162	Phạm Thị Hiền		1968	Hồng Thái, An Định	1/12/2021	8/12/2021	8	640,000	
163	Phạm Xuân Miễn	1975		Dân chủ, An Lao	2/12/2021	14/12/2021	13	1,040,000	
164	Phạm Xuân Miên	2005		Dân chủ, An Lao	2/12/2021	14/12/2021	13	1,040,000	
165	Phạm Văn Dương	1970		Hồng Phong, An Lao	2/12/2021	14/12/2021	13	1,040,000	
166	Phạm Văn Tuyền	1995		Hồng Phong, An Lao	2/12/2021	14/12/2021	13	1,040,000	
167	Phạm Thị Quyên		1995	Hồng Phong, An Lao	2/12/2021	14/12/2021	13	1,040,000	
168	Phạm Khánh Linh		2019	Hồng Phong, An Lao	2/12/2021	14/12/2021	13	1,040,000	
169	Nguyễn Thị Phương		1988	Mỹ Nam Thanh Kỳ	2/12/2021	14/12/2021	13	1,040,000	
170	Nguyễn Văn Hà	1979		Mỹ Nam Thanh Kỳ	2/12/2021	8/12/2021	7	560,000	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Địa chỉ (Thôn, xã)	Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Ngày kết thúc điều trị, cách ly	Số ngày điều trị, cách ly	Số tiền (80.000đồng/ngày)	Ký nhận
		Nam	Nữ						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
171	Trương Thị Thủy		2005	Nguyên Giáp Thanh Kỳ	2/12/2021	13/12/2021	12	960,000	
172	Phạm Thị Lan		1967	Mỹ Nam, Thanh Kỳ	2/12/2021	13/12/2021	12	960,000	
173	Phạm Thị Phương Thảo		2005	Đào Bạch Thanh Kỳ	2/12/2021	13/12/2021	12	960,000	
174	Trương Văn Gác	1951		Mỹ Nam Thanh Kỳ	2/12/2021	15/12/2021	14	1,120,000	
175	Phạm Văn Đát	1984		Mỹ Nam, Thanh Kỳ	2/12/2021	15/12/2021	14	1,120,000	
176	Phạm Thị Liên		1988	Mỹ Nam, Thanh Kỳ	2/12/2021	15/12/2021	14	1,120,000	
177	Phạm Thị Ngay		1967	Việt Hòa Thanh Kỳ	2/12/2021	15/12/2021	14	1,120,000	
178	Phạm Thị Trang		1996	Dân Chủ, An Lao	2/12/2021	15/12/2021	14	1,120,000	
179	Đỗ Thị Hoa		1991	Hồng Thái An Định	2/12/2021	15/12/2021	14	1,120,000	
180	Phạm Thái Bảo	2005		Dân Chủ An Lao	2/12/2021	15/12/2021	14	1,120,000	
181	Nông Thị Hằng		1977	Bắc Hải Thanh Kỳ	2/12/2021	15/12/2021	14	1,120,000	
182	Phạm Thị Nhâm		1944	Hồng Phong, An Lao	2/12/2021	15/12/2021	14	1,120,000	
183	Phạm Văn Tuyên	1992		Dân Chủ, An Lao	2/12/2021	15/12/2021	14	1,120,000	
184	Phạm Thị Lan		2000	Dân Chủ, An Lao	2/12/2021	15/12/2021	14	1,120,000	
185	Phạm Văn Lựu	1964		Hồng Phong An Lao	2/12/2021	15/12/2021	14	1,120,000	
186	Phạm Văn Tuyên	1995		Dân Chủ, An Lao	2/12/2021	15/12/2021	14	1,120,000	
187	Nguyễn Thị Quyên		1995	Dân Chủ, An Lao	2/12/2021	15/12/2021	14	1,120,000	
188	Phạm Văn Quý	1979		Hồng Phong, An Lao	2/12/2021	15/12/2021	14	1,120,000	
189	Phạm Thị Lan Anh		2007	Hồng Phong, An Lao	2/12/2021	15/12/2021	14	1,120,000	
190	Phạm Văn Lệnh	1945		Hồng Phong, An Lao	2/12/2021	15/12/2021	14	1,120,000	
191	Phạm Thị Kỳ		1945	Hồng Phong, An Lao	2/12/2021	15/12/2021	14	1,120,000	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Địa chỉ (Thôn, xã)	Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Ngày kết thúc điều trị, cách ly	Số ngày điều trị, cách ly	Số tiền (80.000đồng/ngày)	Ký nhận
		Nam	Nữ						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
192	Trương Thị Cối		1933	Bắc Hải, Thanh Kỳ	2/12/2021	15/12/2021	14	1,120,000	
193	Phạm Đức Khương	1971		Bắc Hải, Thanh Kỳ	2/12/2021	15/12/2021	14	1,120,000	
194	Phạm Đức Sơn	1993		Bắc Hải, Thanh Kỳ	2/12/2021	15/12/2021	14	1,120,000	
195	Phạm Thị Hoa		1999	Bắc Hải, Thanh Kỳ	2/12/2021	15/12/2021	14	1,120,000	
196	Phạm Hữu Quỳnh	2001		Bắc Hải, Thanh Kỳ	2/12/2021	15/12/2021	14	1,120,000	
197	Phạm Tú Linh		2018	Bắc Hải, Thanh Kỳ	2/12/2021	15/12/2021	14	1,120,000	
198	Phạm Khánh Vân		2021	Bắc Hải, Thanh Kỳ	2/12/2021	15/12/2021	14	1,120,000	
199	Phạm Hữu Tuấn	1978		Bắc Hải, Thanh Kỳ	2/12/2021	15/12/2021	14	1,120,000	
200	Phạm Thị Thúy		1985	Bắc Hải, Thanh Kỳ	2/12/2021	15/12/2021	14	1,120,000	
201	Nguyễn Thị Thị		1975	Bắc Hải, Thanh Kỳ	2/12/2021	15/12/2021	14	1,120,000	
202	Trần Thị Châm		1984	Việt Hòa Thanh Kỳ	2/12/2021	12/12/2021	11	880,000	
203	Phạm Xuân Tiến	1987		Ái Quốc Thanh Kỳ	2/12/2021	8/12/2021	7	560,000	
204	Nguyễn Văn Xuýnh	1994		Ái Quốc Thanh Kỳ	2/12/2021	8/12/2021	7	560,000	
205	Phạm Thị Hà		1986	Đội 1 thôn An Lao	3/12/2021	16/12/2021	14	1,120,000	
206	Phạm Thị Tâm		1990	Nguyễn Huệ T.Kỳ	2/12/2021	9/12/2021	8	640,000	
207	Phạm Văn Việt	1968		Nguyễn Huệ - Thanh Kỳ	4/12/2021	8/12/2021	5	400,000	
208	Ngô Thị Phương		1960	Mỹ Nam	5/12/2021	14/12/2021	10	800,000	
209	Phạm Thái Vân Linh		2020	Nguyễn Giáp	4/12/2021	9/12/2021	6	480,000	
210	Nguyễn Đình Lượng	1973		Nguyễn Giáp	26/11/2021	8/12/2021	13	1,040,000	
211	Nguyễn Thị Loan		1996	Độc Lập - An Định	2/12/2021	14/12/2021	13	1,040,000	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Địa chỉ (Thôn, xã)	Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Ngày kết thúc điều trị, cách ly	Số ngày điều trị, cách ly	Số tiền (80.000đồng/ngày)	Ký nhận
		Nam	Nữ						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
212	Phan Huy Dương	1993		Độc Lập - An Định	2/12/2021	14/12/2021	13	1,040,000	
213	Phạm Phúc Hải	1996		Hồng Phong, An Lao	5/12/2021	11/12/2021	7	560,000	
214	Đinh Thị Vân		1988	Đào Bạch, TK	5/12/2021	16/12/2021	12	960,000	
215	Phạm Văn Hiến	1974		Dân chủ, An Lao	5/12/2021	16/12/2021	12	960,000	
216	Nguyễn Thị Thanh		1986	Bắc Sơn, Thanh Kỳ	5/12/2021	15/12/2021	11	880,000	
217	Nguyễn Văn Phúc	2003		Bắc Sơn, Thanh Kỳ	5/12/2021	16/12/2021	12	960,000	
218	Trương Thị Thương		1991	Đào Bạch, TK	5/12/2021	17/12/2021	13	1,040,000	
219	Phạm Thị Chín		1970	Việt Hòa, Thanh Kỳ	5/12/2021	16/12/2021	12	960,000	
220	Hoàng Thị Mùi		1997	Bắc Sơn, Thanh Kỳ	5/12/2021	16/12/2021	12	960,000	
221	Phạm Văn Sáng	2000		Bắc Hải, Thanh Kỳ	5/12/2021	16/12/2021	12	960,000	
222	Phạm Thị Bình		1993	Mỹ Nam, Thanh Kỳ	5/12/2021	16/12/2021	12	960,000	
223	Phạm Thị Thi		1968	Bắc Hải, Thanh Kỳ	5/12/2021	16/12/2021	12	960,000	
	Tổng							223,680,000	

Số tiền bằng chữ: Hai trăm hai mươi ba triệu, sáu trăm tám mươi nghìn đồng chẵn./.

An Thanh, ngày 22 tháng 4 năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU



Nguyễn Thị Trang

CHỦ TỊCH

Hoàng Tuấn Nhã

**DANH SÁCH HỖ TRỢ CÁC ĐỐI TƯỢNG F1 CÁCH LY Y TẾ
THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 23/2021/QĐ-TTg CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Địa chỉ (thôn, xã)	Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (1.000.000đ òng/ng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ					
1	2	3	4	5	6	7		8
1	Hồ Thị Lan Giang		2017	Việt Hòa - Thanh Kỳ	11/26/2021	1,000,000		TE F1
2	Phạm Thị Hoàng Yến		2012	Việt Hòa - Thanh Kỳ	11/26/2021	1,000,000		TE F1
3	Phạm Văn Nam	2013		Việt Hòa - Thanh Kỳ	11/26/2021	1,000,000		TE F1
4	Phạm Thị Tuyết Mai		2020	Việt Hòa - Thanh Kỳ	11/26/2021	1,000,000		TE F1
5	Nguyễn Văn Cường	2009		Ái Quốc - thôn Thanh Kỳ	11/26/2021	1,000,000		KT F1
6	Nguyễn Văn Thành	2011		Ái Quốc - thôn Thanh Kỳ	11/26/2021	1,000,000		TE F1
7	Phạm Hữu Tuấn Anh	2007		Cao Thắng - Thanh Kỳ	11/26/2021	1,000,000		TE F1
8	Phạm Mai Phương	2012		Cao Thắng - Thanh Kỳ	11/26/2021	1,000,000		TE F1
9	Phạm Xuân Dũng	2011		Nguyễn Giáp - Thanh Kỳ	11/26/2021	1,000,000		TE F1
10	Phạm Thị Bình		2018	Nguyễn Giáp, Thanh Kỳ	11/26/2021	1,000,000		TE F1
11	Phạm Xuân An	2019		Nguyễn Giáp, Thanh Kỳ	11/26/2021	1,000,000		TE F1
12	Phạm Như Đức Thịnh	2021		Đào Bạch - Thanh Kỳ	11/26/2021	1,000,000		TE F1
13	Trương Công Hội	1930		Đào Bạch - Thanh Kỳ	11/26/2021	1,000,000		NCT F1
14	Phạm Thị Ánh Dương		2014	Đào Bạch - Thanh Kỳ	11/26/2021	1,000,000		TE F1
15	Phạm Thị Bảo Vy		2018	Đào Bạch - Thanh Kỳ	11/26/2021	1,000,000		TE F1
16	Phạm Xuân Mạnh	2012		Đào Bạch - Thanh Kỳ	11/26/2021	1,000,000		TE F1
17	Phạm Xuân Bảo	2006		Bắc Sơn - Thanh Kỳ	11/26/2021	1,000,000		TE F1
18	Phạm Thị Liễu		1935	Bắc Sơn - Thanh Kỳ	11/26/2021	1,000,000		NCT F1
19	Nguyễn Hoàng Hải	2012		Bắc Sơn - Thanh Kỳ	11/26/2021	1,000,000		TE F1
20	Nguyễn Gia Huy	2016		Bắc Sơn - Thanh Kỳ	11/26/2021	1,000,000		TE F1

21	Phạm Đức Anh	2021		Đội 3, An Lao	11/30/2021	1,000,000		TE F1
22	Phạm Thị Thùy Linh		2017	Quốc Khánh, An Định	11/28/2021	1,000,000		TE F1
23	Phạm Đức Anh	2014		Ái Quốc, An Định	12/1/2021	1,000,000		TE F1
24	Phạm Quang Minh	2017		Ái Quốc, An Định	12/1/2021	1,000,000		TE F1
25	Phạm Văn Dương	2007		Hưng Đạo, An Lao	12/1/2021	1,000,000		TE F1
26	Phạm Lê Yên Nhi		2012	Hưng Đạo, An Lao	12/1/2021	1,000,000		TE F1
27	Nguyễn Đình Khoát	2014		Nguyên Giáp, Thanh Kỳ	12/1/2021	1,000,000		TE F1
28	Phạm Thị Phương Oanh		2006	Mỹ Nam, Thanh Kỳ	12/1/2021	1,000,000		TE F1
29	Trần Ngọc Ứng	1935		Hưng Đạo, An Lao	12/1/2021	1,000,000		NCT F1
30	Nguyễn Văn Nguyên	2020		Hồng Phong, An Lao	12/1/2021	1,000,000		TE F1
31	Phạm Thảo Nguyên		2021	Đào Bạch, Thanh Kỳ	12/1/2021	1,000,000		TE F1
32	Phạm Khánh Linh		2019	Hồng Phong, An Lao	12/1/2021	1,000,000		TE F1
33	Trương Thị Côi		1933	Bắc Hải, Thanh Kỳ	12/2/2021	1,000,000		NCT F1
34	Phạm Tú Linh		2018	Bắc Hải, Thanh Kỳ	12/2/2021	1,000,000		TE F1
35	Phạm Khánh Vân		2021	Bắc Hải, Thanh Kỳ	12/2/2021	1,000,000		TE F1
36	Phạm Thái Vân Linh		2020	Nguyễn Giáp	11/26/2021	1,000,000		TE F1
37	Nguyễn Thị Mai Phương		2012	Mỹ Nam TK	11/25/2021	1,000,000		TE F1
38	Phạm Thị Lan Anh		2007	Hồng Phong, An Lao	12/2/2021	1,000,000		TE F1
39	Phạm Xuân Miên	1975		Dân chủ, An Lao	12/1/2021	1,000,000		KTF1
40	Phạm Thị Lê Hồng		12/1/1980	xã An Thanh	11/25/2021	1,000,000		KTF1
41	Phạm Văn Lựu	1964		Hồng Phong An Lao	12/2/2021	1,000,000		KTF1
	Tổng					41,000,000		

Số tiền bằng chữ: Bốn mươi một triệu đồng chẵn

An Thanh, ngày 22 tháng 4 năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU



Nguyễn Thị Trang

CHỦ TỊCH

Hoàng Tuấn Nhã